

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐOẠN XÁ**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT  
CHO KỲ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/01/2014 ĐẾN NGÀY 30/06/2014**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH BÁN NIÊN	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7 - 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 23

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng quản trị**

Ông Vũ Tuấn Dương	Chủ tịch
Ông Vũ Hữu Chinh	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Phú	Thành viên
Ông Hoàng Văn Chung	Thành viên
Bà Mai Thị Yên Thế	Thành viên
Ông Trần Đăng Hùng	Thành viên
Ông Lâm Ngọc Uyên	Thành viên

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Vũ Tuấn Dương	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Phú	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Văn Chung	Phó Tổng Giám đốc

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

---

**Vũ Tuấn Dương**  
**Tổng Giám đốc**

Hải Phòng, ngày 09 tháng 08 năm 2014



**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN  
VACO TẠI HẢI PHÒNG**

499, Quán Toan  
Hồng Bàng, Hải Phòng, Việt Nam  
Tel : (84-31) 3534 655  
Fax : (84-31) 3534 316  
www.vaco.com.vn

Số. /VACO HP/BCKT

**BÁO CÁO  
KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH BÁN NIÊN**

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cảng Đoàn Xá**

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2014, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 và Thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "Báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Cảng Đoàn Xá (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 09 tháng 08 năm 2014, từ trang 04 đến trang 23.

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 02, việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính bán niên kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

---

**Lương Thị Thúy**  
**Phó Giám đốc Chi nhánh**  
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 1148-2013-156-1  
*Thay mặt và đại diện cho*  
**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**  
**TẠI HẢI PHÒNG**  
*Hải Phòng, ngày 09 tháng 08 năm 2014*

---

**Đỗ Bình Dương**  
**Kiểm toán viên**  
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 1953-2013-156-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN  
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>149.239.410.504</b>	<b>145.474.784.857</b>
<b>(100=110+130+140+150)</b>				
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>76.564.748.528</b>	<b>77.565.264.500</b>
1. Tiền	111		1.264.748.528	2.565.264.500
2. Các khoản tương đương tiền	112		75.300.000.000	75.000.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>30.200.000.000</b>	<b>25.000.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5	30.200.000.000	25.000.000.000
<b>III. Phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>38.192.246.800</b>	<b>39.855.136.348</b>
1. Phải thu khách hàng	131	6	33.632.181.269	37.674.506.783
2. Trả trước cho người bán	132		163.733.000	89.048.000
3. Các khoản phải thu khác	135	7	4.396.332.531	2.091.581.565
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>3.334.577.300</b>	<b>2.672.289.770</b>
1. Hàng tồn kho	141		3.334.577.300	2.672.289.770
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>947.837.876</b>	<b>382.094.239</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		861.966.751	129.881.488
2. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154		15.060.212	177.972.159
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	9	70.810.913	74.240.592
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>107.060.451.675</b>	<b>117.567.858.319</b>
<b>(200 = 220+250+260)</b>				
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>71.464.724.573</b>	<b>81.600.827.018</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	71.360.358.247	81.443.127.364
- Nguyên giá	222		270.828.902.377	270.777.696.013
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(199.468.544.130)	(189.334.568.649)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	35.555.571	88.888.899
- Nguyên giá	228		422.000.000	422.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(386.444.429)	(333.111.101)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	12	68.810.755	68.810.755
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>35.584.573.920</b>	<b>35.584.573.920</b>
1. Đầu tư dài hạn khác	258	13	35.584.573.920	35.584.573.920
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>11.153.182</b>	<b>382.457.381</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	11.153.182	382.457.381
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>256.299.862.179</b>	<b>263.042.643.176</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
**Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014**

MẪU SỐ B 01-DN  
Đơn vị: VN

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310)</b>	<b>300</b>		<b>35.071.600.393</b>	<b>31.195.517.862</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>35.071.600.393</b>	<b>31.195.517.862</b>
1. Phải trả người bán	312	15	11.052.853.339	10.313.966.697
2. Người mua trả tiền trước	313		173.895.266	143.583.924
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	4.115.959.419	4.181.651.711
4. Phải trả công nhân viên	315		9.609.095.735	10.851.822.611
5. Chi phí phải trả	316	17	2.543.280.644	88.712.358
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	18	791.590.656	1.293.643.276
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		6.784.925.334	4.322.137.285
<b>B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>221.228.261.786</b>	<b>231.847.125.314</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>221.228.261.786</b>	<b>231.847.125.314</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		78.749.720.000	78.749.720.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.352.660.454	1.352.660.454
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		101.774.746.931	79.552.032.473
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		7.874.972.000	7.874.972.000
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		31.476.162.401	64.317.740.387
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>256.299.862.179</b>	<b>263.042.643.176</b>
<b>CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>			<b>30/06/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
1. Nợ khó đòi đã xử lý (VND)			2.635.875	2.635.875
2. Ngoại tệ (USD)			3.315,63	3.314,12

**Vũ Tuấn Dương**  
Tổng Giám đốc  
Hải Phòng, ngày 09 tháng 08 năm 2014

**Mai Thị Yên Thế**  
Kế toán trưởng

**Hoàng Thị Hương**  
Người lập

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

MẪU SỐ B 02-DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2014	Từ ngày 01/01/2013
			đến ngày 30/06/2014	đến ngày 30/06/2013
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>		<b>85.690.834.425</b>	<b>96.398.102.351</b>
<b>2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b> (10=01-02)	<b>10</b>		<b>85.690.834.425</b>	<b>96.398.102.351</b>
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11		57.805.674.600	57.531.425.467
<b>4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b> (20=10-11)	<b>20</b>		<b>27.885.159.825</b>	<b>38.866.676.884</b>
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	6.149.134.676	5.626.567.445
6. Chi phí tài chính	22		-	-
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		7.339.239.258	10.881.826.291
<b>8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b> (30=20+(21-22)-(24+25))	<b>30</b>		<b>26.695.055.243</b>	<b>33.611.418.038</b>
9. Thu nhập khác	31		165.359.783	122.741.846
10. Chi phí khác	32		258.882.230	78.756.357
<b>11. Lợi nhuận khác</b> (40=31-32)	<b>40</b>		<b>(93.522.447)</b>	<b>43.985.489</b>
<b>12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b> (50=30+40)	<b>50</b>		<b>26.601.532.796</b>	<b>33.655.403.527</b>
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	21	5.307.994.324	7.782.504.870
<b>14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b> (60=50-51)	<b>60</b>		<b>21.293.538.472</b>	<b>25.872.898.657</b>
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	22	2.704	3.285

**Vũ Tuấn Dương**  
**Tổng Giám đốc**

Hải Phòng, ngày 09 tháng 08 năm 2014

**Mai Thị Yên Thế**  
**Kế toán trưởng**

**Hoàng Thị Hương**  
**Người lập**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

MẪU SỐ B 03-DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>26.601.532.796</b>	<b>33.655.403.527</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	10.187.308.809	14.161.344.286
Các khoản dự phòng	03	-	2.061.822.252
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(728.437)	(1.091.144)
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(6.148.406.239)	(5.625.474.615)
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>30.639.706.929</b>	<b>44.252.004.306</b>
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	3.709.349.354	(6.543.190.698)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(662.287.530)	478.329.870
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	2.505.344.978	(4.486.746.516)
Thay đổi chi phí trả trước	12	(360.781.064)	(577.728.681)
Tiền lãi vay đã trả	13		
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(5.799.600.570)	(10.474.626.789)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	389.865
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(1.887.211.951)	(2.871.233.200)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>28.144.520.146</b>	<b>19.777.198.157</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(51.206.364)	-
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(15.200.000.000)	(10.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	10.000.000.000	10.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.668.288.059	3.343.912.115
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(1.582.918.305)</b>	<b>3.343.912.115</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(27.562.846.250)	(39.360.381.250)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(27.562.846.250)</b>	<b>(39.360.381.250)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(1.001.244.409)</b>	<b>(16.239.270.978)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>77.565.264.500</b>	<b>74.094.997.382</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	728.437	1.091.144
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>76.564.748.528</b>	<b>57.856.817.548</b>



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)**  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ:**

Tiền thu lãi cho vay, cô tức và lợi nhuận được chia trong kỳ không bao gồm số tiền 600.000.000 đồng, là số tiền cô tức nhận được từ khoản đầu tư vào Công ty TNHH Vận tải Hàng công nghệ cao thông qua hình thức bù trừ với công nợ phải trả. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên chỉ tiêu tăng/giảm các khoản phải trả.

\_\_\_\_\_  
**Vũ Tuấn Dương**  
Tổng Giám đốc  
Hải Phòng, ngày 09 tháng 08 năm 2014

\_\_\_\_\_  
**Mai Thị Yên Thế**  
Kế toán trưởng

\_\_\_\_\_  
**Hoàng Thị Hương**  
Người lập

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU B 09 - DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

### **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá là Công ty Cổ phần được cổ phần hoá từ Xí nghiệp Xếp dỡ Đoạn Xá theo quyết định số 1372/QĐ-TTg ngày 19/10/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Xí nghiệp Xếp dỡ Đoạn Xá thành Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Kinh doanh số 0203000123 ngày 27/11/2001 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp, sửa đổi lần 2 ngày 11/06/2008, sửa đổi lần 3 ngày 21/06/2011 và được cấp mã số doanh nghiệp là 0200443827, sửa đổi lần 4 ngày 12/10/2011.

Vốn Điều lệ: 78.749.720.000 đồng, trong đó:

- + Vốn của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam chiếm 51% tổng số Vốn Điều lệ, tương đương 40.162.500.000 đồng (4.016.250 cổ phần).
- + Vốn các cổ đông khác chiếm 49% tổng số Vốn Điều lệ, tương đương 38.587.220.000 đồng (3.858.722 cổ phần).

Công ty có 02 Chi nhánh hạch toán phụ thuộc như sau:

- + Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá - Xí nghiệp Dịch vụ Vận tải đa phương thức, được thành lập theo Quyết định số 17/QĐ-HĐQT ngày 22/9/2011;
- + Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá - Xí nghiệp Dịch vụ Xếp dỡ và Giao nhận, được thành lập theo Quyết định số 18/QĐ-HĐQT ngày 22/9/2011.

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2014 là 403 người (tại ngày 01/01/2014 là 412 người).

#### **Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là: bốc xếp hàng hoá; hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, chi tiết bao gồm: dịch vụ giao nhận hàng hoá, dịch vụ khai thuế hải quan, dịch vụ kiểm đếm hàng hoá, dịch vụ nâng cầu hàng hoá, dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đại lý vận tải đường biển, môi giới thuê tàu biển; kho bãi và lưu giữ hàng hoá; vận tải hành khách ven biển và viễn dương; vận tải hàng hoá ven biển và viễn dương; vận tải hàng hoá bằng đường bộ; hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác - dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hoá; vận tải hành khách đường thủy nội địa; vận tải hàng hoá đường thủy nội địa; hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy.

Hoạt động chính của Công ty là: dịch vụ bốc xếp hàng hoá; kinh doanh kho bãi; vận tải và dịch vụ vận tải; đại lý vận tải, đại lý hàng hải.

### **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**

#### **Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

#### **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo bán niên được lập cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 hàng năm.

#### **Các bên liên quan**

Các bên liên quan của Công ty như sau:

- Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam;
- Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng;
- Công ty Vận tải biển container Vinalines - CN TCT Hàng Hải VN - Công ty TNHH MTV;
- Công ty Dịch vụ Hàng hải Vinalines Hải Phòng - CN TCT Hàng Hải VN - Công ty TNHH MTV.
- Các thành viên Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**MẪU B 09 - DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

***Ghi nhận ban đầu***

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Phương pháp tính giá hàng tồn kho: giá thực tế đích danh. Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, trong số dư hàng tồn kho đến ngày 30/06/2014 không có hàng tồn kho nào bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo quy định.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**MẪU B 09 - DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm 2014 (Số năm khấu hao)
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 13
Máy móc, thiết bị	06 - 08
Phương tiện vận tải	03 - 10
Thiết bị quản lý	03 - 05

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Đây là các phần mềm phục vụ quản lý, được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích ước tính trong thời gian 3 năm.

**Các khoản đầu tư**

Các khoản đầu tư được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, trong các khoản đầu tư tại ngày 30/06/2014 không có khoản đầu tư nào bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng giảm giá đầu tư theo quy định.

**Các khoản trả trước dài hạn**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm

**Ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn góp thực góp của các cổ đông, Vốn bổ sung hàng năm từ Lợi nhuận của Công ty và Vốn bổ sung theo các quyết định đầu tư hàng năm của Công ty.

Phân phối lợi nhuận của Công ty được thực hiện theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông và Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**MẪU B 09 - DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**MẪU B 09 - DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>30/06/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	301.931.078	176.887.358
Tiền gửi ngân hàng	962.817.450	2.388.377.142
Các khoản tương đương tiền (*)	75.300.000.000	75.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>76.564.748.528</b>	<b>77.565.264.500</b>

(\*) Phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng tại các ngân hàng.

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	<b>30/06/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng	30.200.000.000	15.000.000.000
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam vay	-	10.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>30.200.000.000</b>	<b>25.000.000.000</b>

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	<b>30/06/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu ngắn hạn từ các bên liên quan (Thuyết minh số 26)	17.792.557.702	18.985.583.600
Phải thu ngắn hạn từ khách hàng	15.839.623.567	18.688.923.183
<b>Cộng</b>	<b>33.632.181.269</b>	<b>37.674.506.783</b>

**7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	<b>30/06/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Cổ tức phải thu của Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Cảng Đình Vũ (*)	2.200.000.000	-
Phải thu người lao động	1.058.209.435	956.989.558
Lãi tiền gửi ngân hàng phải thu	409.018.179	728.899.999
Phải thu khác	729.104.917	405.692.008
<b>Cộng</b>	<b>4.396.332.531</b>	<b>2.091.581.565</b>

(\*) Phản ánh khoản cổ tức năm 2013 phải thu của Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Cảng Đình Vũ theo Công văn số 24/CV-CĐV ngày 12/5/2014 của Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Cảng Đình Vũ về việc ngày đăng ký cuối cùng để hưởng cổ tức năm 2013.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**MẪU B 09 - DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**8. HÀNG TỒN KHO**

	<b>30/06/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nguyên liệu, vật liệu	2.434.470.618	1.977.513.088
Công cụ, dụng cụ	900.106.682	694.776.682
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>3.334.577.300</b>	<b>2.672.289.770</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho</b>	<b>3.334.577.300</b>	<b>2.672.289.770</b>

**9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>30/06/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tạm ứng	70.810.913	74.240.592
<b>Cộng</b>	<b>70.810.913</b>	<b>74.240.592</b>

**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2014	56.620.309.146	7.905.014.477	204.570.179.459	1.682.192.931	270.777.696.013
Mua trong kỳ	51.206.364	-	-	-	51.206.364
Tại ngày 30/06/2014	<b>56.671.515.510</b>	<b>7.905.014.477</b>	<b>204.570.179.459</b>	<b>1.682.192.931</b>	<b>270.828.902.377</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2014	55.258.398.770	2.721.359.595	130.510.944.550	843.865.734	189.334.568.649
Khấu hao trong kỳ	344.684.317	377.477.616	9.265.682.799	146.130.749	10.133.975.481
Tại ngày 30/06/2014	<b>55.603.083.087</b>	<b>3.098.837.211</b>	<b>139.776.627.349</b>	<b>989.996.483</b>	<b>199.468.544.130</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 01/01/2014	1.361.910.376	5.183.654.882	74.059.234.909	838.327.197	81.443.127.364
Tại ngày 30/06/2014	<b>1.068.432.423</b>	<b>4.806.177.266</b>	<b>64.793.552.110</b>	<b>692.196.448</b>	<b>71.360.358.247</b>

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2014 là 123.737.259.197 đồng (tại ngày 01/01/2014 là 123.687.956.470 đồng).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**MẪU B 09 - DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<b>Phần mềm quản lý VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Tại ngày 01/01/2014	422.000.000	422.000.000
Tăng trong kỳ	-	-
Tại ngày 30/06/2014	<b>422.000.000</b>	<b>422.000.000</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Tại ngày 01/01/2014	333.111.101	333.111.101
Khấu hao trong kỳ	53.333.328	53.333.328
Tại ngày 30/06/2014	<b>386.444.429</b>	<b>386.444.429</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày 01/01/2014	88.888.899	88.888.899
Tại ngày 30/06/2014	<b>35.555.571</b>	<b>35.555.571</b>

Nguyên giá của TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 01/01/2014 và 30/6/2014 là 102.000.000 đồng.

**12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG**

	<b>30/06/2014 VND</b>	<b>01/01/2014 VND</b>
Dự án nâng cấp cải tạo bãi giai đoạn 2	68.810.755	68.810.755
<b>Cộng</b>	<b>68.810.755</b>	<b>68.810.755</b>

**13. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

	<b>30/06/2014 VND</b>	<b>01/01/2014 VND</b>
Góp vốn đầu tư		
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ (a)	5.500.000.000	5.500.000.000
- Công ty CP Đầu tư và Thương mại Hàng Hải (b)	3.000.000.000	3.000.000.000
- Trường Cao đẳng nghề Hàng hải Vinalines (c)	5.000.000.000	5.000.000.000
- Công ty TNHH Vận tải Hàng công nghệ cao (d)	22.084.573.920	22.084.573.920
<b>Cộng</b>	<b>35.584.573.920</b>	<b>35.584.573.920</b>

(a) Đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Cảng Đình Vũ với giá trị 5.500.000.000 đồng tương đương với 1.100.000 cổ phần, chiếm 2,75% vốn Điều lệ.

(b) Đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Hàng Hải Hải Phòng với giá trị 3.000.000.000 đồng tương đương với 300.000 cổ phần, chiếm 2,5% vốn điều lệ.

(c) Phản ánh khoản vốn góp vào Trường Cao Đẳng nghề Hàng Hải Vinalines với số tiền là 5 tỷ đồng, chiếm 10% vốn điều lệ.

(d) Phản ánh khoản góp vốn theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp HECNVG06/2010/MHC/DXP ngày 24/12/2010. Theo đó, giá trị phần vốn sở hữu là 450.000 USD, tương đương với 15% vốn điều lệ.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**MẪU B 09 - DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013
	VND	VND
<b>Tại ngày 01/01</b>	<b>382.457.381</b>	<b>114.055.000</b>
Tăng trong kỳ	22.306.364	113.296.400
Kết chuyển vào chi phí sản xuất trong kỳ	(393.610.563)	(170.703.200)
<b>Tại ngày 30/06</b>	<b>11.153.182</b>	<b>56.648.200</b>

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải trả ngắn hạn từ các bên liên quan (Thuyết minh số 26)	94.120.300	1.253.857.286
Phải trả ngắn hạn người bán	10.958.733.039	9.060.109.411
<b>Cộng</b>	<b>11.052.853.339</b>	<b>10.313.966.697</b>

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	1.034.655.782	608.741.828
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.081.303.637	3.572.909.883
<b>Cộng</b>	<b>4.115.959.419</b>	<b>4.181.651.711</b>

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Trích trước chi phí sửa chữa trong kỳ (*)	2.459.269.305	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài phải trả	84.011.339	88.712.358
<b>Cộng</b>	<b>2.543.280.644</b>	<b>88.712.358</b>

(\*) Chi phí trích trước theo Kế hoạch sửa chữa số 26/KT-CN ngày 06/02/2014 của Công ty.

**18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	570.855.586	915.255.066
Khoản phải trả khác	220.463.382	378.388.210
Bảo hiểm xã hội	271.688	-
<b>Cộng</b>	<b>791.590.656</b>	<b>1.293.643.276</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**MẪU B 09 - DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

*Thay đổi trong vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ Dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
<b>Số dư tại ngày 01/01/2013</b>	<b>78.749.720.000</b>	<b>1.352.660.454</b>	<b>62.442.706.284</b>	<b>7.701.857.995</b>	<b>72.897.965.402</b>	<b>223.144.910.135</b>
Trích lập các quỹ	-	-	17.109.326.189	173.114.005	(23.282.440.194)	(6.000.000.000)
Chia cổ tức đợt 2 năm 2012	-	-	-	-	(39.374.860.000)	(39.374.860.000)
Lãi trong năm	-	-	-	-	54.135.116.458	54.135.116.458
Giảm khác	-	-	-	-	(58.041.279)	(58.041.279)
<b>Số dư tại ngày 01/01/2014</b>	<b>78.749.720.000</b>	<b>1.352.660.454</b>	<b>79.552.032.473</b>	<b>7.874.972.000</b>	<b>64.317.740.387</b>	<b>231.847.125.314</b>
Trích lập các quỹ (*)	-	-	22.222.714.458	-	(26.572.714.458)	(4.350.000.000)
Chia cổ tức năm 2013 (*)	-	-	-	-	(27.562.402.000)	(27.562.402.000)
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	21.293.538.472	21.293.538.472
<b>Số dư tại ngày 30/06/2014</b>	<b>78.749.720.000</b>	<b>1.352.660.454</b>	<b>101.774.746.931</b>	<b>7.874.972.000</b>	<b>31.476.162.401</b>	<b>221.228.261.786</b>

(\*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHCD ngày 29/03/2014, Đại hội thông qua phương án phân chia lợi nhuận như sau: chia cổ tức năm 2013 bằng tiền mặt với tỷ lệ 35% vốn Điều lệ bằng tiền mặt tương đương với 27.562.402.000 đồng; trích quỹ Đầu tư phát triển 22.222.714.458 đồng; trích Quỹ thưởng Ban điều hành 350.000.000 đồng; trích quỹ khen thưởng 2.500.000.000 đồng, trích quỹ phúc lợi 1.500.000.000 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**MẪU B 09 - DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

**Vốn Điều lệ**

Theo Giấy chứng Đăng ký kinh doanh, vốn Điều lệ của Công ty là 78.749.720.000 đồng. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014, vốn Điều lệ đã được các cổ đông góp như sau:

	<b>30/06/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	40.162.500.000	40.162.500.000
Vốn góp của đối tượng khác	38.587.220.000	38.587.220.000
<b>Cộng</b>	<b>78.749.720.000</b>	<b>78.749.720.000</b>

**Tình hình phát hành cổ phiếu**

	<b>30/06/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	<b>Cổ phiếu</b>	<b>Cổ phiếu</b>
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	7.874.972	7.874.972
+ Cổ phiếu phổ thông	7.874.972	7.874.972
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.874.972	7.874.972
+ Cổ phiếu phổ thông	7.874.972	7.874.972
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

**20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>Từ ngày 01/01/2014</b>	<b>Từ ngày 01/01/2013</b>
	<b>đến ngày 30/06/2014</b>	<b>đến ngày 30/06/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.348.406.239	2.825.474.615
Cổ tức, lợi nhuận được chia (*)	2.800.000.000	2.800.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	1.686
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	728.437	1.091.144
<b>Cộng</b>	<b>6.149.134.676</b>	<b>5.626.567.445</b>

(\*) Trong 6 tháng đầu năm 2014, Công ty nhận được cổ tức năm 2013 từ khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Cảng Đình Vũ là 2.200.000.000 đồng và cổ tức năm 2013 từ khoản đầu tư vào Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ cao là 600.000.000 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**MẪU B 09 - DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**21. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013
	VND	VND
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại</b>		
Lợi nhuận trước thuế	26.601.532.796	33.655.403.527
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(2.474.285.871)	(2.525.384.049)
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(2.800.000.000)	(2.800.000.000)
Cộng : Các khoản chi phí không được khấu trừ	325.714.129	274.615.951
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>24.127.246.925</b>	<b>31.130.019.478</b>
Thuế suất thông thường (*)	22%	25%
<b>Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>5.307.994.324</b>	<b>7.782.504.870</b>

(\*) Thuế suất thông thường được điều chỉnh giảm từ 25% xuống còn 22% theo quy định tại Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 áp dụng cho kỳ tính thuế từ ngày 01/01/2014 trở đi.

**22. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	21.293.538.472	25.872.898.657
Số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	7.874.972	7.874.972
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>2.704</b>	<b>3.285</b>

**23. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	12.701.001.807	10.746.957.424
Chi phí nhân công	22.598.793.320	24.953.740.944
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.187.308.809	14.099.533.601
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.038.314.959	13.948.864.199
Chi phí khác	2.619.494.963	4.664.155.590
<b>Cộng</b>	<b>65.144.913.858</b>	<b>68.413.251.758</b>

**24. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý do Công ty hoạt động chính trong lĩnh vực dịch vụ bốc xếp hàng hoá tại Thành phố Hải Phòng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**MẪU B 09 - DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	76.564.748.528	77.565.264.500
Phải thu khách hàng và phải thu khác	38.028.513.800	39.766.088.348
Đầu tư tài chính ngắn hạn	30.200.000.000	25.000.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	35.584.573.920	35.584.573.920
<b>Tổng cộng</b>	<b>180.377.836.248</b>	<b>177.915.926.768</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán và phải trả khác	11.844.443.995	11.607.609.973
Chi phí phải trả	2.543.280.644	88.712.358
<b>Cộng</b>	<b>14.387.724.639</b>	<b>11.696.322.331</b>

Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ có thể chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm không đáng kể.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**MẪU B 09 - DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Rủi ro thị trường (Tiếp theo)**

*Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu*

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v... Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

*Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua nhiên liệu, nguyên vật liệu từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng thường xuyên và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cô đồng cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>1 năm trở lên VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>30/06/2014</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	76.564.748.528	-	76.564.748.528
Phải thu khách hàng và phải thu khác	38.028.513.800	-	38.028.513.800
Đầu tư tài chính ngắn hạn	30.200.000.000	-	30.200.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	-	35.584.573.920	35.584.573.920
<b>Tổng cộng</b>	<b>144.793.262.328</b>	<b>35.584.573.920</b>	<b>180.377.836.248</b>
<b>30/06/2014</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	11.844.443.995	-	11.844.443.995
Chi phí phải trả	2.543.280.644	-	2.543.280.644
<b>Cộng</b>	<b>14.387.724.639</b>	-	<b>14.387.724.639</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>130.405.537.689</b>	<b>35.584.573.920</b>	<b>165.990.111.609</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**MẪU B 09 - DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)*

	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>1 năm trở lên VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>01/01/2014</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	77.565.264.500	-	77.565.264.500
Phải thu khách hàng và phải thu khác	39.766.088.348	-	39.766.088.348
Đầu tư tài chính ngắn hạn	25.000.000.000	-	25.000.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	-	35.584.573.920	35.584.573.920
<b>Tổng cộng</b>	<b>142.331.352.848</b>	<b>35.584.573.920</b>	<b>177.915.926.768</b>
<b>01/01/2014</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	11.607.609.973	-	11.607.609.973
Chi phí phải trả	88.712.358	-	88.712.358
<b>Cộng</b>	<b>11.696.322.331</b>	<b>-</b>	<b>11.696.322.331</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>130.635.030.517</b>	<b>35.584.573.920</b>	<b>166.219.604.437</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**Danh sách các bên liên quan:**

**Bên liên quan**

Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Công ty Vận tải biển container Vinalines Chi nhánh TCT Hàng Hải

VN - Công ty TNHH MTV

Công ty Dịch vụ Hàng hải Vinalines Hải Phòng CN TCT Hàng Hải VN

- Công ty TNHH MTV

Chi nhánh TCT Hàng Hải Việt Nam tại Hải Phòng

**Mối quan hệ**

Cổ đông lớn

Công ty con của cổ đông lớn

Chi nhánh của cổ đông lớn

Chi nhánh của cổ đông lớn

Chi nhánh của cổ đông lớn

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	<b>Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 VND</b>	<b>Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 VND</b>
<b>Doanh thu cung cấp dịch vụ, hàng hoá</b>		
Công ty Vận tải biển Container Vinalines - CN TCT Hàng Hải VN - Công ty TNHH MTV	9.929.700.970	11.518.035.325
<b>Mua hàng hoá, dịch vụ</b>		
Công ty Vận tải biển Container Vinalines - CN TCT Hàng Hải VN - Công ty TNHH MTV	787.636.367	-
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	292.287.313	557.874.594
Công ty dịch vụ Hàng hải Vinalines Hải Phòng - CN TCT Hàng Hải VN - Công ty TNHH MTV	-	74.095.000
<b>Cổ tức đã trả</b>		
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	14.056.875.000	20.081.250.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**MẪU B 09 - DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

*Số dư với các bên liên quan:*

	<b>30/06/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Số dư phải thu</b>		
Công ty Vận tải biển Container Vinalines - CN	17.792.557.702	18.985.583.600
TCT Hàng Hải VN - Công ty TNHH MTV		
<b>Số dư phải trả</b>		
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	94.120.300	1.253.857.286
<b>Đầu tư ngắn hạn</b>		
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	-	10.000.000.000

**27. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày khóa sổ đến thời điểm phát hành báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu và cần phải trình bày trên báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 của Công ty.

**28. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh được lấy từ Báo cáo tài chính năm 2013 đã được kiểm toán. Riêng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ sử dụng số liệu so sánh của cùng kỳ năm trước đã được soát xét.

\_\_\_\_\_  
**Vũ Tuấn Dương**  
**Tổng Giám đốc**

*Hải Phòng, ngày 09 tháng 08 năm 2014*

\_\_\_\_\_  
**Mai Thị Yên Thế**  
**Kế toán trưởng**

\_\_\_\_\_  
**Hoàng Thị Hương**  
**Người lập**